

Bản án số: 150 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-06-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị T1 và anh T2.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 12 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lã Thị T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm Phụng Đông 2, xã HP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm Phụng Đông 2, xã HP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 5 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lã Thị T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lã Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2 đăng ký kết hôn ngày 10/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn hai người chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, cuộc sống chung nặng nề

nên đã ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Nay xác định tình cảm với anh T2 không còn, không có tiếng nói chung nên chị T1 đề nghị tòa án cho ly hôn với anh T2.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 06/4/2021. Hiện nay cháu Khôi sống cùng bố mẹ. Khi ly hôn chị T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng tiền nuôi con. Vì từ trước đến nay anh T2 là lao động tự do đi làm không có tiền và không đóng góp nhiều cùng chị nuôi con chung, việc chăm nom chăm sóc đóng góp tiền nuôi con chủ yếu do chị lo liệu là chính, nên chị đề nghị Tòa án khi ly hôn cho chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Để chứng minh cho khả năng nuôi con chị T1 có giao nộp tài liệu gồm bản sao Hợp đồng thuê thu cước và Giấy xác nhận thu nhập, thể hiện nội dung hiện nay chị T1 đang là nhân viên kinh doanh thuộc Phòng bán hàng của Trung tâm kinh doanh VNPT Nam Định – chi nhánh Hải Hậu. Mức thu nhập thực tế của chị T1 trong 06 tháng gần nhất là từ 9.120.000 đồng đến 15.150.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T1 xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, quá trình tham gia giải quyết vụ án và tại phiên Tòa anh Nguyễn Văn T2 trình bày:* Anh T2 công nhận lời trình bày của chị T1 về thời gian tìm hiểu, quá trình chung sống, kết hôn là đúng. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do chị T1 có biểu hiện không chung thủy. Tuy nhiên sau đó hai bên cùng hàn gắn nhiều nhưng không thành, vợ chồng vẫn không có T2g nói chung. Nay chị T1 làm đơn xin ly hôn, anh T2 cho rằng vợ chồng vẫn nên cho nhau thêm cơ hội và mong muốn cho con có một gia đình trọn vẹn nên anh T2 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 06/4/2021. Hiện nay cháu Khôi sống cùng bố mẹ. Tại các buổi làm việc trước anh T2 có quan điểm nếu buộc phải ly hôn thì anh T2 nhất trí để chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh tự có trách nhiệm đối với con, không đề nghị Tòa án giải quyết về mức cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên Toà anh T2 thay đổi ý kiến xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định pháp luật, công nhận công việc và thu nhập của chị T1 cung cấp như trên là đúng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T2 xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Lã Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 10/10/2018. Vợ chồng chung sống không thực sự hạnh phúc, mâu thuẫn nặng nề do tính tình không hợp, bất đồng về kinh tế, không tin tưởng nhau nên xảy ra xích mích. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T1 làm đơn xin ly hôn với anh T2. Anh T2 đồng ý mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Tuy nhiên, anh T2 không nhất trí ly hôn vì cho rằng vợ chồng cần cho nhau thêm cơ hội và mong muốn đoàn tụ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T1 với anh T2, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là trầm trọng, được chính quyền địa phương xác nhận. Nguyên nhân là vì tính tình vợ chồng không hợp, không tin tưởng và chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau. Mặt khác, anh chị mâu thuẫn và đã ly thân nhưng hai bên không có biện pháp cụ thể nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị Lã Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2 ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/4/2021. Hiện cháu K đang sống cùng bố mẹ. Khi ly hôn chị T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại quá trình làm việc tại Tòa án, anh T2 có ý kiến nếu trường hợp bắt buộc phải ly hôn thì anh T2 nhất trí để chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên tại phiên Tòa anh T2 thay đổi quan điểm xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay, yêu cầu của đương sự thì thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của chị T1 và anh T2 là hoàn toàn chính đáng, bản thân chị T1, anh T2 là người khỏe mạnh đảm bảo cho việc nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay cháu K còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, chị T1 có công việc ổn định là nhân viên kinh doanh thuộc Phòng bán hàng của Trung tâm kinh doanh VNPT Nam Định – chi nhánh Hải Hậu. Mức thu nhập thực tế của chị T1 trong 06 tháng gần nhất là từ 9.120.000 đồng đến 15.150.000 đồng. Anh T2 không chứng minh được công việc cũng như khả năng thu nhập nên cần giao con chung cho chị Lã Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Lã Thị T1 phải nộp theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lã Thị T1 và anh Nguyễn Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 06/4/2021 cho chị Lã Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T2 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. (Hiện con chung đang sống cùng chị T1, anh T2).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Lã Thị T1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006678 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định ;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Hải Phúc;
- Cấp đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng